

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁI NƯỚC
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 42/2024/DS-ST
Ngày: 19 - 4 - 2024
V/v Tranh chấp chia thừa kế quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI NƯỚC, TỈNH CÀ MAU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tăng Thị Nhỏ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Tấn Liêm

Ông Đỗ Thanh Tú

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Lương Văn Khải, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:** Bà Trần Bích Trâm – Kiểm sát viên.

Ngày 16 và 19 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 212/2022/TLST-DS ngày 22 tháng 9 năm 2022 về việc “*Tranh chấp chia thừa kế quyền sử dụng đất*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 28/2024/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Lê Minh T312, sinh năm 1995 (Có mặt);

Anh Phạm Thành L, sinh năm 2000 (Có mặt).

Cùng địa chỉ: Khóm S, thị t, huyện N, tỉnh C ..

- **Bị đơn:** Bà Lê Thị V, sinh năm 1963 (Có mặt).

Địa chỉ: Khóm S, thị t, huyện N, tỉnh C ..

- **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

1. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái N (Xin vắng mặt);

Địa chỉ: Khóm 2, thị t, huyện C., tỉnh Cà Mau.

2. Bà Nguyễn Thị Bé T1, sinh năm 1960 (Có mặt);

Địa chỉ: Ấp L, xã H, huyện C, tỉnh C ..

3. Bà Phạm Hồng T2, sinh năm 1970 (Có mặt);

Địa chỉ: Khóm S, thị t, huyện N, tỉnh C ..

4. Ông Huỳnh Văn D, sinh năm 1952 (Có mặt);

Địa chỉ: Khóm S, thị t, huyện N, tỉnh C ..

5. Ông Lê Minh T312, sinh năm 1984 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Khóm S, thị t, huyện N, tỉnh C ..

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Lê Minh T312, anh Phạm Thành L trình bày:*

Năm 2011 cha chị T312 và anh L là ông Phạm Văn Thành chết, có để lại tài sản nhưng không có làm di chúc gồm:

- Quyền sử dụng đất thuộc thửa số 15, tờ bản đồ 18, diện tích 250m² đất trồng cây lâu năm, tọa lạc ấp Đàm Cùng, xã Trần Thới, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau;

- Quyền sử dụng đất thuộc thửa số 18, tờ bản đồ 18, diện tích 285m² đất trồng lúa và đất thổ cư, tọa lạc ấp Đàm Cùng, xã Trần Thới, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau;

- 01 căn nhà cấp 4 gắn liền với thửa số 18, tờ bản đồ 18, tọa lạc ấp Đàm Cùng, xã Trần Thới, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

Nay chị T312, anh L yêu cầu Tòa án giải quyết: Phân chia di sản thừa kế theo pháp luật đối với các tài sản nêu trên. Giá trị tạm tính của các tài sản là 800.000.000đ, chia làm 03 kỷ phần; mẹ chị T312, anh L là Lê Thị V được hưởng $\frac{1}{2} \times 800.000.000đ + \frac{1}{3} \times 400.000.000đ = 533.333.333đ$; chị T312, anh L mỗi người được nhận $\frac{1}{3} \times 400.000.000đ = 133.333.333đ$.

Anh, chị đồng ý với kết quả đo đạc đất ngày 28/7/2023 do Công ty TNHH Phát Triển Xanh Việt Nam cung cấp và kết quả định giá ngày 11/01/2024 do Công ty cổ phần đầu tư và thẩm định giá Quốc Tế Đông Dương cung cấp và yêu cầu Tòa án căn cứ vào kết quả đo đạc đất thực tế ngày 28/7/2023 và kết quả định giá tài sản ngày 11/01/2024 để làm cơ sở giải quyết vụ án.

** Theo bị đơn là bà Lê Thị V trình bày:* Bà thống nhất với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đồng ý chia di sản thừa kế theo pháp luật đối với các tài sản mà chồng bà là ông Thành chết để lại. Phần giá trị mà bà được nhận bà đồng ý trả cho những người còn nợ theo các bản án, quyết định mà Tòa án đã giải quyết.

Bà đồng ý với kết quả đo đạc đất ngày 28/7/2023 do Công ty TNHH Phát Triển Xanh Việt Nam cung cấp và kết quả định giá ngày 11/01/2024 do Công ty cổ phần đầu tư và thẩm định giá Quốc Tế Đông Dương cung cấp, bà không có ý kiến trình bày bổ sung thêm.

** Theo người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Bé T1 trình bày:* Bà không đồng ý đối với yêu cầu chia tài sản thừa kế theo pháp luật của chị T312, anh L và bà V. Vì theo Bản án số 26/2021/DS-ST ngày 30/3/2021 của Tòa án đã giải quyết thì bà V phải trả cho bà số tiền còn nợ là 665.875.600đ và lãi suất chậm thi hành án, do đó các tài sản mà chị T312, anh L yêu cầu chia phải được kê biên thi hành án cho bà. Bà xác định số tiền mà bà V vay của bà là vay thời điểm năm 2015.

Bà đồng ý với kết quả đo đạc đất ngày 28/7/2023 do Công ty TNHH Phát Triển Xanh Việt Nam cung cấp và kết quả định giá ngày 11/01/2024 do Công ty cổ phần đầu tư và thẩm định giá Quốc Tế Đông Dương cung cấp, bà không có ý kiến trình bày bổ sung thêm.

** Theo người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Phạm Hồng T2 trình bày:* Không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của chị T312, anh L và bà V. Vì bà V còn phải thi hành án cho bà đối với số tiền 128.000.000đ và lãi suất chậm thi hành án. Đối với giá trị các tài sản mà nguyên đơn tự định giá thì bà không đồng ý, bà yêu cầu định giá các tài sản theo đúng quy định của pháp luật. Bà xác định khoản nợ bà V còn thiếu bà 128.000.000đ là số tiền mà bà đã cho bà V mượn để thi hành án cho các bản án trước đây, theo đó bà V đồng ý chuyển nhượng một phần đất cho bà năm 2019 nhưng không thực hiện được nên bà đã khởi kiện ra Tòa án yêu cầu bà V trả nợ, khi thi hành án thì bà V thỏa thuận với bà mỗi tháng sẽ trả 3.000.000đ nhưng bà V không thực hiện theo thỏa thuận thi hành án. Khi nào bà V thực hiện trả cho bà hết toàn bộ số tiền 128.000.000đ và lãi suất chậm thi hành án thì bà đồng ý các giá trị còn lại chia thừa kế theo pháp luật giữa chị T312, anh L và bà V.

Bà đồng ý với kết quả đo đạc đất ngày 28/7/2023 do Công ty TNHH Phát Triển Xanh Việt Nam cung cấp và kết quả định giá ngày 11/01/2024 do Công ty cổ phần đầu tư và thẩm định giá Quốc Tế Đông Dương cung cấp, bà không có ý kiến trình bày bổ sung thêm.

** Theo người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Huỳnh Văn D trình bày:* Yêu cầu Tòa án giải quyết chia thừa kế theo đúng quy định pháp luật, theo đó bà V phải có nghĩa vụ thanh toán cho ông số tiền còn nợ là 60.000.000đ và lãi suất chậm thi hành án theo Quyết định số 92/2019/QĐST-DS ngày 03/7/2019. Đồng thời, yêu cầu định giá tài sản tranh chấp theo đúng quy định của pháp luật. Ông xác định số tiền 60.000.000đ mà bà V nợ ông là tiền vay dùm cho bà V từ năm 2017.

Ông đồng ý với kết quả đo đạc đất ngày 28/7/2023 do Công ty TNHH Phát Triển Xanh Việt Nam cung cấp và kết quả định giá ngày 11/01/2024 do Công ty cổ phần đầu tư và thẩm định giá Quốc Tế Đông Dương cung cấp, ông không có ý kiến trình bày bổ sung thêm.

** Tại Công văn số 513/CCTHADS ngày 05/10/2022 Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Nước trình bày:* Chi cục THADS đang tổ chức thi hành các Quyết định công nhận thỏa thuận số 92/2019/QĐST-DS ngày 03/7/2019; số 106/QĐST-DS ngày 31/7/2019; số 91/QĐST-DS ngày 15/7/2020 và Bản án số 26/2021/DS-ST ngày 30/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện Cái Nước đối với các khoản buộc bà Lê Thị V phải trả cho bà Nguyễn Thị Bé T1; bà Phạm Hồng T2; ông Huỳnh Văn D; ông Lê Minh T312 tổng số tiền là 873.126.000 đồng và lãi suất chậm thi hành án, đồng thời nộp án phí số tiền là 41.193.000 đồng.

Ngày 03/9/2020 Chấp hành viên Chi cục thi hành án đã ra quyết định cưỡng chế kê biên, xử lý tài sản số 44/QĐ-CCTHADS về việc cưỡng chế kê biên, xử lý tài sản của bà Lê Thị V (Tài sản kê biên là nhà và quyền sử dụng đất của bà Lê Thị V thuộc thửa số 15, 18, tờ bản đồ số 18 và thửa 177 tờ bản đồ 22 (bản đồ địa chính năm 2004) được Ủy ban nhân dân cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL571810; BL571812 ngày cấp 05/12/2012).

Ngày 29/7/2022 Chấp hành viên thông báo Kê biên tài sản số 417/TB-CCTHADS và thực hiện kê biên tài sản vào ngày 10/8/2022 tài sản kê biên là nhà ở,

công trình kiến trúc và quyền sử dụng đất của bà Lê Văn Vạn thuộc một phần thửa số 15, 18, tờ bản số 18 (bản đồ địa chính năm 2004) được Ủy ban nhân dân huyện Cái Nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL571812 và BL571812 ngày cấp 05/12/2012. Phần đất kê biên có tổng diện tích đo đạc thực tế là 466,7m² (trong đó có 60m² đất ở nông thôn; 222,1m² và 184,6m² đất trồng cây lâu năm); Công trình kiến trúc gồm 02 bồn hoa tổng diện tích 16,74m² và 01 đường đi bằng bê tông diện tích 15m².

Sau khi Chấp hành viên thực hiện kê biên thì ông Phạm Thành L và bà Lê Minh T312 tranh chấp tài sản kê biên, ngày 11/8/2022 Chấp hành viên ra thông báo số 432/TB-CCTHDS về việc thông báo quyền khởi kiện tại Tòa án và đề nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết tài sản kê biên có tranh chấp (Theo quy định tại Điều 75 Luật thi hành án dân sự).

Ngày 22/9/2022, Chi cục thi hành án nhận được thông báo của Tòa án và có ý kiến như sau: Đề nghị Tòa án nhân dân huyện Cái Nước khi xét xử cần xem xét nghĩa vụ thi hành án của bà Lê Thị V phải thực hiện theo các Quyết định công nhận thỏa thuận số 92/2019/QĐST-DS ngày 03/7/2019; số 106/QĐST-DS ngày 31/7/2019; số 91/QĐST-DS ngày 15/7/2020 và Bản án số 26/2021/DS-ST ngày 30/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện Cái Nước theo quy định pháp luật, với tổng số tiền phải thi hành án là 873.126.000đ và lãi suất chậm thi hành án, đồng thời nộp án phí số tiền là 41.193.000đ. Đồng thời Chi cục thi hành án xin vắng mặt tại các phiên hòa giải và xét xử vụ việc giữa nguyên đơn là ông Phạm Thành L, bà Lê Minh T312 với bị đơn là bà Lê Thị V.

- Đối với ông Lê Minh T312 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia tố tụng nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do và không cung cấp tài liệu, chứng cứ hay ý kiến đối với nội dung khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn là giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, lời trình bày và không bổ sung gì thêm.

- Bị đơn giữ nguyên lời trình bày, đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không bổ sung gì thêm.

- Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Bé T1, bà Phạm Hồng T2, ông Huỳnh Văn D trình bày: Giữ nguyên lời trình bày, không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Nước phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, xét thấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà Ủy ban nhân dân đã cấp cho ông Phạm Văn Thành nhưng sau khi ông Thành chết thì đến năm 2012 chuyển sang tên cho bà Lê Thị V đứng tên. Như vậy, để xác định phần tài sản đang tranh chấp có phải tài sản riêng của bà Lê

Thị V hay không và các đồng thừa kế có từ chối nhận di sản thừa kế hay không đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để trích lục toàn bộ hồ sơ chuyển sang tên cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ ông Thành cho bà V để làm cơ sở giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn là chị T312, anh L khởi kiện yêu cầu phân chia di sản thừa kế theo pháp luật đối với phần đất tọa lạc ấp Đàm Cùng, xã Trần Thới, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau và tài sản gắn liền trên đất nên đây là “*Tranh chấp chia thừa kế quyền sử dụng đất*”. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau theo quy định tại Điều 26, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái N có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Lê Minh T312 được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia tố tụng nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với các đương sự này là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

[3] Về thời hiệu khởi kiện và người thừa kế: Các đương sự đều khai thống nhất với nhau về việc khi ông Thành chết không để lại di chúc, nên thời điểm mở thừa kế là năm 2011. Căn cứ Điều 623 của Bộ luật Dân sự thì thời hiệu khởi kiện vẫn còn. Các đương sự đều khai thống nhất về diện thừa kế và hàng thừa kế di sản của ông Thành là vợ và 02 người con, căn cứ Điều 651 của Bộ luật Dân sự có thể xác định người thừa kế di sản của ông Thành thuộc hàng thừa kế thứ nhất gồm: Bà Lê Thị V, chị Lê Minh T312, anh Phạm Thành L.

[4] Về di sản thừa kế là quyền sử dụng đất có tranh chấp:

Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 009396 và số AG 009337 thì toàn bộ diện tích đất đang có tranh chấp ghi tên chủ sử dụng đất ông Phạm Văn Thành được Ủy ban nhân dân huyện Cái Nước cấp năm 2006, thuộc 02 thửa: Thửa số 15, tờ bản đồ 18, diện tích 250m² đất trồng cây lâu năm, tọa lạc ấp Đàm Cùng, xã Trần Thới, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau và thửa số 18, tờ bản đồ 18, diện tích 285m² đất trồng lúa và đất thổ cư, tọa lạc ấp Đàm Cùng, xã Trần Thới, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau. Sau khi ông Thành chết (năm 2011) đến năm 2012 toàn bộ phần đất tranh chấp thuộc hai thửa nêu trên được điều chỉnh và chuyển sang tên cho bà Lê Thị V (vợ ông Thành) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 571812, số BL 571814.

Quá trình giải quyết vụ án, ngày 25/7/2023 Tòa án đã tiến hành đo đạc diện tích đất đang có tranh chấp thì thửa đất số 15, 18 (Nay là thửa số 14, Tờ bản đồ 18 chỉnh lý năm 2014) hiện bà V, anh L đang quản lý, sử dụng có tổng diện tích là

601,5m² (Trong đó có 45,1m² đất lộ giới, diện tích đất còn lại là 556,4m² đất ở tại nông thôn và đất trồng cây lâu năm). Hiện tại các gia đình có diện tích đất sử dụng liền kề với diện tích đất này không có tranh chấp gì.

[5] Các đương sự đều thống nhất nguồn gốc phần đất tranh chấp và tài sản gắn liền trên đất thuộc thửa số 14, Tờ bản đồ 18 chỉnh lý năm 2014 do bà V, anh L đang quản lý là di sản của ông Thành chết để lại. Quá trình giải quyết vụ án, toàn bộ di sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất là 01 căn nhà cấp 4 gắn liền với đất đã được Tòa án tiến hành xem xét, thẩm định và định giá. Phần di sản đang do bà V, anh L quản lý và sử dụng thuộc thửa đất số 14, Tờ bản đồ 18 chỉnh lý năm 2014 có tổng diện tích là 601,5m² (Trong đó có 45,1m² đất lộ giới, diện tích đất còn lại là 556,4m² đất ở tại nông thôn và đất trồng cây lâu năm) có trị giá là 802.729.003đ và căn nhà có tổng trị giá 265.560.475đ, Tổng giá trị của các tài sản là 1.068.512.138đ.

[6] Về phân chia di sản: Di sản của ông Thành, bà V được xác định $\frac{1}{2}$ chia cho bà V là 534.256.069đ, còn lại $\frac{1}{2}$ chia đều cho 03 người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Thành là bà V (vợ ông Thành) và hai con là chị T312, anh L: Mỗi người được hưởng phần di sản trị giá 534.256.069đ: 3 = 178.085.356đ. Hiện tại bà V đang quản lý, sử dụng phần đất tranh chấp và tại phiên tòa bà V, chị T312, anh L thống nhất thỏa thuận cho bà V được nhận toàn bộ diện tích đất, nhà và giao giá trị phần được hưởng thừa kế cho chị T312, anh L. Xét thấy sự thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Căn cứ vào Giấy cử người đại diện giám sát giám hộ ngày 25/10/2012 (Bút lục 31) và 02 Quyết định về việc công nhận giám hộ ngày 06/9/2012 (Bút lục 29, 30) thấy rằng: Tại thời điểm sau khi ông Phạm Văn Thành chết năm 2011 đến năm 2012 chuyển sang tên cho bà Lê Thị V đứng tên là đúng theo quy định pháp luật và đúng thực tế cũng như lời trình bày của các đương sự, bởi lẽ tại thời điểm năm 2012 thì chị T312 chỉ 17 tuổi và anh L mới 12 tuổi là người chưa thành niên nên không thể tự xác lập, thực hiện các giao dịch dân sự mà cần phải có người đại diện, do đó không thể đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà bà V phải đứng tên. Tại phiên tòa chị T312, anh L xác định không có việc từ chối nhận di sản thừa kế từ ông Thành chết để lại nên có thể xác định tài sản này vẫn còn là tài sản chung của ông Thành, bà V và là di sản để chia thừa kế khi ông Thành chết, cho nên đề nghị Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị tạm ngừng phiên tòa để trích lục toàn bộ hồ sơ chuyển sang tên cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ ông Thành cho bà V của đại diện Viện kiểm sát là không cần thiết nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[8] Về án phí và chi phí tố tụng: Các đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, khoản 1, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 612, Điều 613, Điều 623, Điều 649, Điều 650 và Điều 651 của Bộ luật Dân sự; Điều 203 Luật đất đai; Điều 12, 26, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Lê Minh T312 và anh Phạm Thành L về việc chia di sản thừa kế đối với phần đất và tài sản gắn liền với đất là căn nhà cấp 4 thuộc thửa đất số 14, Tờ bản đồ 18 chỉnh lý năm 2014 có tổng diện tích là 601,5m² (Trong đó có 45,1m² đất lộ giới, diện tích đất còn lại là 556,4m² đất ở tại nông thôn và đất trồng cây lâu năm) có trị giá là 802.729.003đ và căn nhà có trị giá 265.560.475đ, Tổng giá trị của các tài sản là **1.068.512.138đ** (*Một tỷ không trăm sáu mươi tám triệu, năm trăm mười hai nghìn, một trăm ba mươi tám đồng*).

1.1. Chia cho bà Lê Thị V được quyền sử dụng diện tích 601,5m² (Trong đó có 45,1m² đất lộ giới, diện tích đất còn lại là 556,4m² đất ở tại nông thôn và đất trồng cây lâu năm) và căn nhà cấp 4 tọa lạc ấp Đàm Cùng, xã Trần Thới, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

(Có sơ đồ kèm theo)

1.2. Buộc bà Lê Thị V có nghĩa vụ thanh toán cho chị T312, anh L giá trị di sản được hưởng thừa kế, mỗi người là **178.085.356đ** (*Một trăm bảy mươi tám triệu, không trăm tám mươi lăm nghìn, ba trăm năm mươi sáu đồng*).

2. Chi phí đo đạc, định giá tài sản là 14.923.420đ (*Mười bốn triệu, chín trăm hai mươi ba nghìn, bốn trăm hai mươi đồng*): Chị T312, anh L, bà V thống nhất thỏa thuận bà V chịu toàn bộ. Đã qua, anh L và chị T312 đã dự nộp số tiền 14.923.420đ (*Mười bốn triệu, chín trăm hai mươi ba nghìn, bốn trăm hai mươi đồng*), buộc bà V phải có trách nhiệm hoàn trả lại cho anh L, chị T312 số tiền đã dự nộp là 14.923.420đ (*Mười bốn triệu, chín trăm hai mươi ba nghìn, bốn trăm hai mươi đồng*) khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án mà bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ trả khoản tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự đối với khoản tiền nêu trên tương ứng với thời gian chậm trả.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị T312, anh L mỗi người phải chịu là 8.904.267đ (*Tám triệu chín trăm lẻ bốn nghìn, hai trăm sáu mươi bảy đồng*). Ngày 22/9/2022 có dự nộp số tiền 3.333.000đ (*Ba triệu ba trăm ba mươi nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008347 và 0008348 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái N, tỉnh Cà Mau được đối trừ, mỗi người phải nộp tiếp 5.571.267đ (*Năm triệu năm trăm bảy mươi một nghìn, hai trăm sáu mươi bảy đồng*).

Bà V phải chịu 12.493.657đ (*Mười hai triệu, bốn trăm chín mươi ba nghìn sáu trăm năm mươi bảy đồng*) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch nhưng thuộc đối tượng người cao tuổi nên được miễn toàn bộ.

4. Án xử công khai, đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Nước;
- Cục Thi hành án dân sự huyện Cái Nước;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tăng Thị Nhó

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thanh Tú

Võ Tấn Liêm

Tăng Thị Nhớ

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Nước;
- Cục Thi hành án dân sự huyện Cái Nước;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tăng Thị Nhớ

